

B, huyện V, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Hoàng M1; địa chỉ: Khu phố 1, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: số 45 đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nông trường Q2 được thành lập ngày 19/8/1958 theo Quyết định của Bộ Nông trường với diện tích đất được giao là 7.216,64ha. Thực hiện Chỉ thị số 364 ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 08/3/1993 Ban chỉ đạo 364 huyện V đã lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất và giao cho Nông trường Q2 với tổng diện tích 4.150 ha, được xác lập trên các tờ bản đồ 6345311, 63421 của Cục đo đạc và Bản đồ Nhà nước in năm 1978.

Thực hiện Quyết định số 327/CT, ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về phủ xanh đất trống đồi trọc, Nông trường Q2 giao đất cho các hộ viên Nông trường tham gia dự án. Khi dự án kết thúc, các hộ viên có đủ điều kiện sẽ được Nông trường Q2 lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); trong đó, gia đình ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T được cấp GCNQSDĐ với diện tích 9.150m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 15; ngoài diện tích đã được giao cho các hộ gia đình thì diện tích còn lại thuộc quyền quản lý và sử dụng của Nông trường Q2.

Ngày 26/3/2003, Tổng Công ty Cao su Việt Nam có quyết định sát nhập Nông trường Q2 vào Công ty Cao su Q thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam. Căn cứ diện tích Nông trường Q2 sử dụng theo hồ sơ 364, năm 2008 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Trị đã cấp GCNQSDĐ số AO 069708 cho Công ty TNHH MTV Cao su Q, bao gồm 26 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 19, 20, 27, 28 với diện tích 525.477m².

Do phần đất tại thửa số 23, tờ bản đồ số 19 mà hộ gia đình ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T đang sử dụng nằm trong ranh giới quyền sử dụng đất đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp GCNQSDĐ cho Công ty Cao su Q nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải trả lại phần diện tích đã mượn và thuê khoán của Công ty với diện tích 32.308m² (số liệu tại thời điểm làm

đơn khởi kiện) thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị, đồng thời buộc gia đình ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải thu dọn toàn bộ cây cối mà ông Q1, bà T đã trồng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm và thuê khoán của Công ty để trả lại đất cho công ty

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/12/2019 của TAND tỉnh Quảng Trị thì thực tế hộ ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T đang sử dụng 26.891m² đất thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 19, là diện tích đất mà Công ty Cao su Q đã được cấp GCNQSDĐ, trong đó:

Phần diện tích đất 10.000 m² (tức 01 ha) giao khoán: Đây là diện tích mà Nông trường Q2 đã san ủi và trồng rừng, sau đó mới giao khoán lại cho bà T (lúc đó bà T đang là công nhân). Theo Biên bản giao khoán lập ngày 15/11/2006 giữa Giám đốc Nông trường Q2 với bà Đoàn Thị T. Theo đó, mục đích sử dụng là trồng rừng, thời gian nhận giao khoán: *“Từ khi ký hợp đồng đến khi công ty có nhu cầu sử dụng đất ...sẽ thông báo thu hồi và bà T cam kết khi công ty có chủ trương thì sẽ trả lại đất”*. Nhưng sau khi nhận khoán, bà Đoàn Thị T không trồng rừng mà chặt phá rừng trồng để trồng mới cây cao su là vi phạm cam kết giao khoán.

Phần diện tích đất 16.891 m² đất mà ông Q1, bà T lấn chiếm: Diện tích đất này có nguồn gốc được Ban chỉ đạo 364 huyện V giao cho Nông trường Q2 (sau này sát nhập vào Công ty Cao su Q) theo Chỉ thị số 364 ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, ông Q1, bà T sử dụng đất này để trồng và khai thác cây cao su là lấn chiếm trái phép đất đã được cấp cho Công ty Cao su Q.

Do đó, nguyên đơn đã thay đổi nội dung khởi kiện so với số liệu đã ghi trong đơn khởi kiện để phù hợp với kết quả đo đạc và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc gia đình ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải trả lại phần diện tích đất lấn chiếm và diện tích đất thuê khoán của Công ty với diện tích 26.891m² thuộc thửa 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị;

Buộc gia đình ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải thu dọn toàn bộ cây cối mà ông Q1, bà T đã trồng trên phần diện tích đất đã lấn chiếm và thuê khoán của Công ty.

Tại phiên hòa giải ngày 14/02/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý để cho ông Q1, bà T tiếp tục sử dụng diện tích đất 26.891m² để khai thác cây cao su trong thời gian 07 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực, tạo điều kiện cho bị đơn khai thác tương ứng với chu kỳ khai thác mủ cây cao su (bình quân thì chu kỳ khai thác mủ cây cao su khoảng 20 năm). Hết thời hạn 07 năm nêu trên thì ông Q1, bà T có trách nhiệm thu dọn toàn bộ cây cao su trên diện tích đất 26.891m² và các tài sản khác (nếu có) để trả lại diện tích đất nói trên cho Công ty

Cao su Q. Diện tích đất đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị đo vẽ, thẩm định và có sơ đồ cụ thể kèm theo.

Theo đơn trình bày ý kiến ngày 11/9/2017, ngày 03/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn trình bày:

- Theo bản giao khoán ngày 15/11/2006 giữa Công ty với hộ gia đình bà Đoàn Thị T đã xác định diện tích giao khoán của Nông trường Q2 là 01 ha, có vị trí: Phía Tây giáp hợp thủy kê lán tổ II; phía Bắc giáp đường ra lô; phía Nam giáp lô cao su 327 lô Tuyển; phía Đông giáp hợp thủy cao su khai thác NT do đ/c Tuyển nhận. Như vậy, tại bản giao khoán này, Công ty Cao su Q đã công nhận phía Đông là toàn bộ đất cao su 327 của gia đình bị đơn (kể cả phần diện tích mà Công ty yêu cầu trả lại). Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo một trong các phương án sau:

Đối với diện tích đất 01 ha mà ông Q1, bà T nhận giao khoán: Yêu cầu Công ty Cao su Q phải bồi thường thiệt hại tương ứng trị giá 500 cây cao su với đơn giá 720.000 đồng/cây cho ông Q1, bà T; hoặc Công ty Cao su Q chuyển nhượng diện tích đất này cho ông Q1, bà T (yêu cầu này phía nguyên đơn có ý kiến không chấp nhận).

Đối với diện tích hơn 16.891 m² mà Công ty Cao su Q yêu cầu trả lại có nguồn gốc do ông Q1, bà T khai hoang, phục hoá bờ đai hợp thủy nối tiếp xung quanh diện tích đất trồng cao su mà gia đình ông Q1, bà T đã được cấp GCNQSDĐ từ khoảng năm 2000. Do trồng sản không hiệu quả nên đầu năm 2003 gia đình ông Q1, bà T chuyển sang canh tác trồng cây cao su theo dự án 327 của tỉnh. Phía Công ty Cao su có xuất trình Đơn xin nhận đất trồng rừng ngày 24/11/2006 có đề của bà Đoàn Thị T là lập không giấy tờ, giả mạo chữ ký của bà T nên bà T bác toàn bộ nội dung của Đơn xin nhận đất trồng rừng ngày 24/11/2006.

Ngoài ra, bị đơn cho rằng 16.891m² đất nói trên Nhà nước đã cấp cho Nông trường Q2 từ năm 1958, sau này được sát nhập vào Công ty Cao su Q. Tuy nhiên Công ty bỏ hoang, không sử dụng, vi phạm quy định của Luật đất đai, do đó bị đơn có quyền khai hoang để sử dụng từ năm 2000.

Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất 16.891m² tại vị trí phía Tây lô số 57 và 67, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị thuộc quyền sử dụng của ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T; hủy một phần quyết định của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao đất và cấp GCNQSDĐ số AO 069708 ngày 17/12/2008 cho Công ty TNHH MTV Cao su Q đối với diện tích đất 16.891m² mà ông Q1, bà T khai hoang và đang sử dụng.

Tại văn bản số 2521/UBND-TN ngày 13/6/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh Quảng Trị có ý kiến:

Khu đất Công ty Cao su Q (nay là Công ty TNHH MTV Cao su Q) đang quản lý, sử dụng tại vùng Đội 4, xã V1, huyện V có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay. Khu đất này được giao cho Nông trường Q2 trực tiếp quản lý sử dụng (Nông trường Q2 được thành lập ngày 19/8/1958 theo Quyết định của Bộ Nông trường).

Khu đất này đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy CNQSDĐ số AO 069708 ngày 17/12/2008 cho Công ty TNHH MTV Cao su Q với diện tích 525.477m² (bao gồm 26 thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 19, 20, 27, 28) tại xã V1, huyện V. Quá trình lập hồ sơ, Công ty Cao su Q đã phối hợp với UBND xã V1, rà soát, xác định cụ thể ranh giới khu đất; đồng thời khi tiến hành đo đạc lập bản đồ địa chính khu đất, đơn vị tư vấn đo đạc đã lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới hiện trạng sử dụng đất theo đúng quy định có đầy đủ chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề và có xác nhận của UBND xã V1 (trong đó có tên bà Đoàn Thị T).

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, khu đất được xác định sử dụng ổn định, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch đúng với quy định của Luật đất đai 2003 và trình tự thủ tục quy định tại Điều 137 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Việc ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án huỷ bỏ một phần quyết định hành chính của UBND tỉnh Quảng Trị về cấp Giấy CNQSDĐ cho Công ty Cao su Q là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác ý kiến này của bị đơn.

Sau khi TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý lại vụ án, UBND tỉnh Quảng Trị không trình bày ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 01/2020/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 483, 489, 493, 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 37, Điều 49 Luật đất đai 2003; khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T phải trả lại cho Công ty TNHH MTV Cao su Q diện tích đất 26.891m² tại thửa số 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị gồm 03 phần diện tích 7.248m², 2.752m², 16.891m² có vị trí tứ cận như sau:

Phần diện tích 7.248 m²: Phía Bắc giáp khe nước; phía Tây giáp đường sản xuất; phía Đông giáp đất ông Q1, bà T đang sử dụng; phía Nam giáp đường lô.

Phần diện tích 2.752 m²: Phía Bắc giáp đường lô; phía Tây giáp đường sản xuất; phía Đông giáp đất ông Q1, bà T đang sử dụng; phía Nam giáp đất chưa sử dụng do UBND xã V1 quản lý.

Phần diện tích 16.891 m²: Phía Bắc giáp đất đã được cấp GCNQSDĐ cho Công ty Cao su Q; phía Tây giáp 01 ha đất mà ông Q1, bà T nhận giao khoán của Công ty Cao su Q; phía Đông Nam giáp đất cao su 98 của ông Q1, bà T; phía Tây Nam giáp đất chưa sử dụng do UBND xã V1 quản lý.

(Kèm theo Bản án này là sơ đồ đo vẽ khu đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị đo đạc, thẩm định ngày 19/12/2019, chỉnh lý phát hành ngày 30/12/2019, trong đó đã xác định cụ thể vị trí, tọa độ, diện tích đất).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH một thành viên Cao su Q, cho ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T được tiếp tục khai thác và sử dụng cây cao su trên diện tích đất 26.891m² tại thửa số 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị trong thời gian 07 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời gian trên, ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ thu dọn toàn bộ cây cao su trên đất và các tài sản khác (nếu có) và trả lại diện tích đất 26.891m² cho Công ty TNHH một thành viên Cao su Q

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng khác, thi hành án dân sự và quyền kháng cáo.

Ngày 06/5/2020, bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất 1,6891ha và cho bị đơn khai thác hết chu kỳ đối với 01ha đất được giao khoán; Hoặc nguyên đơn thanh toán toàn bộ giá trị cây cao su trên diện tích đất 2,6891ha với giá trị 720.000đ/cây và tiền công khai hoang đối với 1,6891ha đất cho bị đơn, bị đơn giao toàn bộ cây cao su và đất cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su Q do ông Nguyễn Đức M đại diện theo ủy quyền tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T do bà Trần Thị Hoàng M1 đại diện theo ủy quyền tại đơn xin xét xử vắng mặt không rút yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T có đơn kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người đại diện theo ủy quyền của phía bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai, đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Căn cứ khoản 2, khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Phía bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án thừa nhận diện tích đất 26.891m² tại thửa đất số 23 tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V tỉnh Quảng Trị có nguồn gốc là của Nông trường Q2. Trong đó, 10.000m² (1ha) bà Đoàn Thị T là công nhân Nông trường nhận giao khoán theo bản giao khoán diện tích đất tái canh lập ngày 15/11/2006 giữa Hội đồng quản lý Nông trường Q2 với bà Đoàn Thị T. Tại bản giao khoán quy định: Giao cho công nhân Đoàn Thị T nhận quản lý diện tích đất nói trên, khi Công ty có chủ trương thu hồi thì bàn giao đất lại. Ngày 20/10/2015, Nông trường Q2 đã ban hành Thông báo số 36/TB-NT về việc thu hồi đất đai vườn cao su, nhưng bà T không chấp hành mà tiếp tục sử dụng. Đối với diện tích đất 16.891m² bị đơn ông Q1, bà T cho rằng do Nông trường Q2 bỏ hoang, không sử dụng nên ông Q1, bà T khai hoang và sử dụng trồng cao su.

Như vậy, diện tích đất 26.891m² là của Nông trường Q2, nay là Công ty TNHH MTV Cao su Q. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Q1, bà T trả lại diện tích đất nói trên cho Công ty TNHH MTV Cao su Q là có cơ sở.

Do diện tích đất 26.891m², bị đơn ông Q1 bà T đã trồng cao su, Công ty TNHH MTV Cao su Q để cho ông Q1 bà T tiếp tục khai thác và sử dụng trong thời hạn bảy năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn hợp tình, hợp lý.

Bị đơn ông Q1, bà T yêu cầu Công ty TNHH MTV Cao su Q thanh toán toàn bộ giá trị cây cao su trên diện tích đất 26.891m² với đơn giá 720.000đ/cây và tiền công khai hoang đất diện tích 16.891m². Tại phiên tòa phúc thẩm không được người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su Q đồng ý.

Do đó, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Những phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 483, 489, 493, 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 37, Điều 49 Luật đất đai 2003; khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Cao su Q. Buộc bị đơn ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T phải trả lại cho Công ty TNHH một thành viên Cao su Q diện tích đất 26.891m² tại thửa số 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị gồm 03 phần diện tích 7.248m², 2.752m², 16.891m² có vị trí tứ cận như sau:

- Phần diện tích 7.248 m²: Phía Bắc giáp khe nước; phía Tây giáp đường sản xuất; phía Đông giáp đất ông Q1, bà T đang sử dụng; phía Nam giáp đường lô.

Phần diện tích 2.752 m²: Phía Bắc giáp đường lô; phía Tây giáp đường sản xuất; phía Đông giáp đất ông Q1, bà T đang sử dụng; phía Nam giáp đất chưa sử dụng do UBND xã V1 quản lý.

- Phần diện tích 16.891 m²: Phía Bắc giáp đất đã được cấp GCNQSDĐ cho Công ty Cao su Q; phía Tây giáp 01 ha đất mà ông Q1, bà T nhận giao khoán của Công ty Cao su Q; phía Đông Nam giáp đất cao su 98 của ông Q1, bà T; phía Tây Nam giáp đất chưa sử dụng do UBND xã V1 quản lý.

(Kèm theo Bản án sơ thẩm là sơ đồ đo vẽ khu đất được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị đo đạc, thẩm định ngày 19/12/2019, chỉnh lý phát hành ngày 30/12/2019, trong đó đã xác định cụ thể vị trí, tọa độ, diện tích đất).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH một thành viên Cao su Q cho ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T được tiếp tục khai thác và sử dụng cây cao su trên diện tích đất 26.891m² tại thửa số 23, tờ bản đồ số 19 tại xã V1, huyện V, tỉnh Quảng Trị trong thời gian 07 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời gian trên, ông Cao Ngọc Q1 và bà Đoàn Thị T phải có nghĩa vụ thu dọn toàn bộ cây cao su trên đất và các tài sản khác (nếu có) và trả lại diện tích đất 26.891m² cho Công ty TNHH một thành viên Cao su Q

2. Về án phí: ông Cao Ngọc Q1, bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ 300.000 đồng ông Q1, bà T đã nộp tại biên lai thu tiền số 000713 ngày 18/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

3. Các quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm về phần án phí, chi phí tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm